

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính

Nữ tuổi :Mau giao

Tổng số trẻ :303

Sang : Bánh canh thòt tôm kho nam mỗp cá

rot ngo rí

Sữa grow

Trữa : Côm tôm rim thòt cá rot. Canh rau

mong tời mỗp thòt bô

Mon luoc: bong cái xanh, trang

Xe: sữa grow

Xe chieu: Bun thòt cha lua nam mỗp cá rot

gia

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37003				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
*CHÔ				
1	Ram (mười)	2,000	1,060	21,200
2	Tôm biền	5,500	36,540	2,009,700
3	Súp lơ xanh*	2,500	7,350	183,750
4	Tôm kho	200	79,870	159,740
5	Nộm cá Mắm Cá (loại 1)	3,000	6,160	184,800
6	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Nộm cá	3,000	3,880	116,400
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Xì dầu	1,000	990	9,900
10	Gạo tẻ máy	14,000	2,630	368,200
11	Hành lá	1,500	5,250	78,750
12	Hành củ tời	1,000	6,300	63,000
13	Cá rot	6,000	5,570	334,200
14	Già nấu xanh	1,000	2,730	27,300
15	Rau ngò (Rau mùi)	100	8,720	8,720
16	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
17	Rau mong tời	5,000	4,100	205,000
18	Mỗp	10,000	4,200	420,000
19	Súp lơ	2,500	8,090	202,250
20	Bún	18,000	1,710	307,800
21	Bánh canh	20,000	2,200	440,000
22	Giò lụa	1,000	20,680	206,800
23	Thòt lợn nạc	12,500	18,800	2,350,000
24	Thòt bô loại 1	1,000	37,800	378,000
Cong				8,444,410
*XUẤT KHO				
25	Sữa bột Abbott Grow	13,500	20,500	2,767,500
Cong				2,767,500
Tổng tiền thức phẩm				11,211,910 đ
Chi phí khác				0 đ
Tiền nộm chi trong ngày				11211000 đ
Số dư đầu ngày				0 đ
Số dư cuối ngày				-910 đ
Xuất an luy kê tờ đầu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tờ đầu tháng				
Tiền chi luy kê tờ đầu tháng				